| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**<br>**MY CHAU PRINTING AND PACKAGING CORPORATION** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom – Happiness** |
| Số: 21../2026/BC-MCP<br>No.: 21../2026/BC-MCP | *Tp. HCM, ngày 30. tháng 01 năm 2026*<br>*HCM City, day 30 month 01 year 2026* |

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

# *REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE*

# 2025

**Kính gửi/To:** **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission;**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange***

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

*Name of company:* ***MY CHAU PRINTING AND PACKAGING CORPORATION***

- Địa chỉ trụ sở chính: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Registered Address: 18 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

- Điện thoại/*Telephone:* 3961 2844 – 3961 2734 – 3961 0323 Fax: 3961 2737

- Email: info@mychau.com.vn

- Vốn điều *lệ/Charter capital:* **198.868.710.000 đồng/ *198,868,710,000 VND.***

- Mã chứng khoán/ *Stock code:* MCP

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model:* Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc /*General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors and General Director.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ The *implementation of internal audit: Implemented.*

## I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông*/Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/Quyết định<br>*Resolution/Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* |
|---|---|---|---|
| 1 | 147/2025/NQ-ĐHĐCĐ | 25/04/2025<br>*April 25, 2025* | Thông qua Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/Quyết định<br>*Resolution/Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* |
|---|---|---|---|
| | | | *Approval of the Board of Management's Report on business results in 2024 and Business plan in 2025.* |
| | | | Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.<br>*Approval of the Board of Directors' Report on the performance results in 2024 and performance plan in 2025.* |
| | | | Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.<br>*Approval of the Board of Supervisors' Report on the performance results in 2024 and performance plan in 2025.* |
| | | | Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.<br>*Approval of the audited Financial Statements for the year 2024.* |
| | | | Thông qua Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.<br>*Approval of the selection of the audit firm for the 2025 financial statements.* |
| | | | Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025.<br>*Approval of the Profit distribution proposal in 2024 and the profit distribution plan in 2025.* |
| | | | Thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.<br>*Approval of stock issuance to pay dividends in 2024.* |
| | | | Thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2025.<br>*Approval of the Board of Directors and Supervisory Board's remuneration report for 2024 and the remuneration plan for 2025.* |
| | | | Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty<br>*Approval of amendments and supplement to the Company Charter* |
| | | | Thông qua Miễn nhiệm và bầu bổ sung thay thế Thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.<br>*Approval of the dismissal and election of additional members to replace the independent members of the Board of Directors for the remaining term of 2022 - 2027.* |
| | | | Thông qua Danh sách ứng cử, đề cử bầu bổ sung, thay thế Thành viên độc lập Hội đồng quản trị<br>*Approval of the List of candidates, nominations for additional election and replacement of independent members of the Board of Directors* |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/Quyết định<br>*Resolution/Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* |
|---|---|---|---|
| | | | Thông qua Kết quả trúng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027<br>*Approval of the results of the election of independent members of the Board of Directors for the remaining term of 2022 – 2027.* |

**II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ *Board of Directors (Annual report)*:**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors:***

| Stt<br>*No.* | Thành viên HĐQT/ *Board of Directors' members* | Chức vụ/ *Position* | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ thành viên độc lập HĐQT<br>*The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors/ independent member of the Board of Directors* | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm<br>*Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm<br>*Date of dismissal* |
| 1 | Ông/*Mr.* Vũ Trọng Tuấn | Chủ tịch HĐQT<br>*Chairman of the board of directors* | Được bầu làm Thành viên HĐQT kể từ ngày 01/11/2024 và được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 25/11/2024<br>*Elected as a Member of the Board of Directors from November 1, 2024 and appointed as Chairman of the Board of Directors from November 25, 2024* | |
| 2 | Bà/*Ms.* Phan Đỗ Hạnh | Thành viên HĐQT<br>*Member of the Board of Directors* | 20/01/2020<br>*January 20, 2020* | |
| 3 | Bà/*Ms.* Nguyễn Mai Thanh | Thành viên độc lập HĐQT<br>*Independent Member of Board of Directors* | 25/04/2025<br>*April 25, 2025* | |
| 4 | Bà/*Ms.* Dương Thị Thanh Tâm | Thành viên độc lập HĐQT<br>*Independent Member of Board of Directors* | 28/06/2024<br>*June 28, 2024* | 25/04/2025<br>*April 25, 2025* |

**2. Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors:***

| Stt *No.* | Thành viên HĐQT/ *Board of Director' member* | Số buổi họp HĐQT tham dự/ *Number of meetings attended by Board of Directors* | Tỷ lệ tham dự họp/ *Attendance rate* | Lý do không tham dự họp/Reasons *for absence* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Ông/*Mr.* Vũ Trọng Tuấn | 33/33 | 100% | |
| 2 | Bà/*Ms.* Nguyễn Mai Thanh | 20/33 | 60,6% | Bầu bổ sung thay thế kể từ ngày 25/04/2025 *Elected as a replacement on April 25, 2025* |
| 3 | Bà/*Ms.* Phan Đỗ Hạnh | 33/33 | 100% | |
| 4 | Bà/*Ms.* Dương Thị Thanh Tâm | 13/33 | 39,4% | Miễn nhiệm kể từ ngày 25/04/2025 *Dismissed from April 25, 2025* |

**3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:***

Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế Nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của MCP, trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

*Pursuant to the Company Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and Operating Regulations of the Board of Directors of MCP, in the year 2025, the Board of Directors fully implemented and supervised the activities of the General Director in production and business management, specifically as follows:*

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

  *Supervise the implementation of resolutions, production and business plans approved by the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*

- Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.

  *Supervise the General Director's operations to ensure the Company's production and business activities are safe and in compliance with the law, resolutions of the General Meeting of Shareholders and Resolutions of the Board of Directors.*

- Giám sát, kiểm tra báo cáo tài chính nhằm quản lý chặt chẽ chi phí, phòng ngừa hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

  *Supervise and check financial reports to strictly manage costs, prevent and limit risks in production, business and investment activities.*

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ hoặc bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) liên quan đến những nội dung bắt buộc phải công bố thông tin, hoàn thành nộp và công bố thông tin đúng thời hạn.

*Supervise the implementation of the reporting regime, periodic or irregular information disclosure to the State Securities Commission, Hochiminh Stock Exchange (HOSE) related to the contents required to disclose information, complete submission and disclosure of information on time.*

- Giám sát Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức ngày 25/04/2025.

  *Supervise the Annual General Meeting of Shareholders held on April 25, 2025.*

- Tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cuộc họp bất thường nhằm chỉ đạo, định hướng hoạt động cho Ban điều hành, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

  *Organize quarterly Board of Directors meetings, and extraordinary meetings to direct and orient the activities of the Executive Board and resolve issues under the authority of the Board of Directors..*

- Triển khai và giám sát việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và bằng tiền theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua.

  *Implement and supervise the payment of 2024 dividends in shares and cash according to the plan approved by the General Meeting of Shareholders.*

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/*Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):***

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

*The Company does not establish subcommittees under the Board of Directors. Board members perform their duties as assigned by the Board of Directors.*

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Annual report)*:**

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 01/2025/NQ-HĐQT | 13/02/2025<br>*February 13, 2025* | Thông qua đầu tư đũa lò sấy cho chuyền in tráng<br>*Approval of investment in I-Beam wicket without rollers for printing and coating lines* | 100% |
| 2 | 02/2025/NQ-HĐQT | 25/02/2025<br>*February 25, 2025* | Thông qua việc chỉ định người đại diện ký kết hợp đồng và các văn bản liên quan đến việc vay vốn của Công ty tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh<br>*Approval of the appointment of a representative to sign contracts and documents related to the Company's borrowing at BIDV Bank - Ho Chi Minh City Branch* | 100% |
| 3 | 03/2025/NQ-HĐQT | 28/02/2025<br>*February 28, 2025* | Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025<br>*Convening the 2025 Annual General Meeting of Shareholders* | 100% |
| 4 | 04/2025/QĐ-HĐQT | 04/03/2025 | Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 | 100% |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| | | *March 4, 2025* | *Establishing the Organizing Committee of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders* | |
| 5 | 05/2025/QĐ-HĐQT | 04/03/2025<br>*March 4, 2025* | Phân công soạn thảo văn kiện ĐHĐCĐ thường niên năm 2025<br>*Assignment of drafting documents for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders* | 100% |
| 6 | 06/2025/NQ-HĐQT | 03/03/2025<br>*March 3, 2025* | Bổ nhiệm Trưởng phòng Quản lý Chất lượng<br>*Appointment of Head of Quality Management* | 100% |
| 7 | 07/2025/NQ-HĐQT | 08/03/2025<br>*March 8, 2025* | Thông qua việc tổ chức chuyến du lịch, tham quan cho CB-CNV Công ty tại Thủ đô Hà Nội<br>*Approval of a company trip for employees to Hanoi Capital* | 100% |
| 8 | 08/2025/NQ-HĐQT | 24/03/2025<br>*March 24, 2025* | Miễn nhiệm và bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>*Dismissal and appointment of Chief Accountant position* | 100% |
| 9 | 09/2025/QĐ-HĐQT | 25/03/2025<br>*March 25, 2025* | Quyết định miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>*Decision to dismiss the position of Chief Accountant* | 100% |
| 10 | 10/2025/QĐ-HĐQT | 25/03/2025<br>*March 25, 2025* | Quyết định bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng<br>*Decision to appoint the position of Chief Accountant* | 100% |
| 11 | 11/2025/NQ-HĐQT | 18/04/2025<br>*April 18, 2025* | Thông qua giao dịch mua thép nguyên liệu<br>*Approval of the purchase of raw steel* | 100% |
| 12 | 12/2025/NQ-HĐQT | 23/04/2025<br>*April 23, 2025* | Thông qua Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025<br>*Approval of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders Documents* | 100% |
| 13 | 13/2025/QĐ-HĐQT | 24/04/2025<br>*April 24, 2025* | Thành lập Ban kiểm tra tư cách Cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025<br>*Establishing a Shareholder Qualification Inspection Committee at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders* | 100% |
| 14 | 14/2025/NQ-HĐQT | 15/05/2025<br>*May 15, 2025* | Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027<br>*Assigning tasks to members of the Board of Directors for the remaining term of 2022 - 2027* | 100% |
| 15 | 15/2025/NQ-HĐQT | 23/05/2025<br>*May 23, 2025* | Thông qua việc ký kết hợp đồng lao động với Kế toán trưởng | 100% |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| | | | *Approving the labor contract with the Chief Accountant* | |
| 16 | 16/2025/QĐ-MCP | 29/05/2025<br>*May 29, 2025* | Quyết định thông qua việc chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch – Kho<br>*Decision to approve the termination of labor contract and dismissal of the Head of Planning – Warehouse.* | 100% |
| 17 | 17/2025/NQ-MCP | 09/06/2025<br>*June 9, 2025* | Thay đổi nhân sự người được ủy quyền công bố thông tin<br>*Change of personnel authorized to disclose information* | 100% |
| 18 | 18/2025/NQ-HĐQT | 10/06/2025<br>*June 10, 2025* | Lựa chọn nhà thầu thực hiện thay tôn và chống dột nhà xưởng<br>*Selecting a contractor to replace roofing and waterproof the factory* | 100% |
| 19 | 19/2025/QĐ-HĐQT | 18/06/2025<br>*June 18, 2025* | Thông qua việc chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Hành chính Nhân sự<br>*Approval of the termination of the labor contract and dismissal of the Head of Human Resources & Administration* | 100% |
| 20 | 20/2025/QĐ-HĐQT | 18/06/2025<br>*June 18, 2025* | Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm vị trí Trưởng phòng Hành chính Nhân sự<br>*Decision on the recruitment and appointment of Head of Human Resources Administration* | 100% |
| 21 | 21/2025/QĐ-HĐQT | 19/06/2025<br>*June 19, 2025* | Chấm dứt hợp đồng lao động và miễn nhiệm Trưởng phòng Kinh doanh<br>*Termination of employment contract and dismissal of Head of Sales* | 100% |
| 22 | 22/2025/QĐ-HĐQT | 19/06/2025<br>*June 19, 2025* | Quyết định bổ nhiệm Quyền Trưởng phòng Kinh doanh<br>*Decision to appoint Acting Head of Sales* | 100% |
| 23 | 23/2025/NQ-HĐQT | 20/06/2025<br>*June 20, 2025* | Thông qua phương án cho vay vốn<br>*Approval of the loan scheme* | 100% |
| 24 | 24/2025/NQ-HĐQT | 23/06/2025<br>*June 23, 2025* | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024<br>*Approval of the implementation of the plan to issue shares to pay dividends in 2024* | 100% |
| 25 | 25/2025/NQ-HĐQT | 10/07/2025 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu | 100% |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| | | *July 10, 2025* | *Selection of the audit firm for the 2025 Financial Statements of My Chau Printing and Packaging Corporation* | |
| 26 | 26/2025/NQ-HĐQT | 18/07/2025<br>*July 18, 2025* | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu và bằng tiền<br>*Approval of the record date for the 2024 dividend payment in cash and shares* | 100% |
| 27 | 27/2025/NQ-HĐQT | 12/08/2025<br>*August 12, 2025* | Thông qua phương án cải tạo hệ thống thoát nước tại Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu<br>*Approval of the plan to upgrade the drainage system at My Chau Printing and Packaging Corporation* | 100% |
| 28 | 28/2025/NQ-HĐQT | 22/08/2025<br>*August 22, 2025* | Tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức<br>*Increase charter capital and amend the Company Charter upon completion of the share issuance for dividend payment* | 100% |
| 29 | 29/2025/QĐ-HĐQT | 05/09/2025<br>*September 5, 2025* | Quyết định về việc miễn nhiệm Kế toán trưởng<br>*Decision on dismissal of Chief Accountant* | 100% |
| 30 | 30/2025/QĐ-HĐQT | 05/09/2025<br>*September 5, 2025* | Quyết định về việc Bổ nhiệm Phó phòng Tài chính - Kế toán kiêm Phụ trách Kế toán<br>*Decision on the appointment of Deputy Manager of Finance - Accounting Department cum Person in charge of Accounting* | 100% |
| 31 | 31/2025/NQ-HĐQT | 25/09/2025<br>*September 25, 2025* | Thông qua thay đổi nhân sự Thư ký Hội đồng quản trị, Người Phụ trách quản trị Công ty và Người được Ủy quyền Công bố thông tin tại Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu<br>*Approval of personnel changes for the positions of Secretary of the Board of Directors, Person in charge of Corporate Governance, and Authorized Person for Information Disclosure at My Chau Printing and Packaging Corporation* | 100% |
| 32 | 31/2025/QĐ-HĐQT | 04/12/2025<br>*December 4, 2025* | Quyết định Miễn nhiệm và chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Trưởng phòng Hành chính nhân sự<br>*Decision on the dismissal and termination of the labor contract regarding the HR & Administration Manager* | 100% |
| 33 | 32/2025/QĐ-HĐQT | 04/12/2025 | Quyết định Tiếp nhận và bổ nhiệm nhân sự Trưởng phòng Hành chính nhân sự | 100% |

| Stt<br>*No.* | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>*Resolution/ Decision No.* | Ngày<br>*Date* | Nội dung<br>*Content* | Tỷ lệ thông qua<br>*Approval rate* |
|---|---|---|---|---|
| | | *December 4, 2025* | *Decision on the recruitment and appointment of the HR & Administration Manager* | |

**III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm)/*Board of Supervisors (Annual report)*:**

**1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS/ *Information on members of Board of Supervisors*:**

| Stt<br>*No.* | Thành viên BKS<br>*Members of Board of Supervisors* | Chức vụ<br>*Position* | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS<br>*The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors* | | Trình độ chuyên môn<br>*Qualification* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Ngày bổ nhiệm<br>*Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm<br>*Date of dismissal* | |
| 1 | Bà/*Ms.* Chu Thị Phương Anh | Trưởng BKS<br>*Head of Supervisory Board* | 01/11/2024<br>*November 1st, 2024* | | Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán) – Đại học Kinh tế TP. HCM (UEH)<br>*Bachelor of Economics (Major in Accounting - Auditing) - University of Economics Ho Chi Minh City (UEH)* |
| 2 | Ông/*Mr.* Lê Văn Tới | Thành viên BKS<br>*Member of Supervisors Board* | 28/06/2024<br>*June 28, 2024* | | Cử nhân Luật – Đại học Mở Hà Nội (HOU), Luật sư – Học viện Tư pháp<br>*Bachelor of Laws – Hanoi Open University (HOU), Lawyer – Judicial Academy* |
| 3 | Bà/*Ms.* Lê Thị Thanh Hằng | Thành viên BKS<br>*Member of Supervisors Board* | 01/11/2024<br>*November 1st, 2024* | | Cử nhân Kiểm toán – Học viện Tài chính<br>*Bachelor of Auditing – Academy of Finance* |

**2. Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors***

| Stt<br>*No.* | Thành viên BKS<br>*Members of Board of Supervisors* | Số buổi họp tham dự<br>*Number of meetings attended* | Tỷ lệ tham dự họp<br>*Attendance rate* | Tỷ lệ biểu quyết<br>*Voting rate* | Lý do không tham dự họp<br>*Reasons for absence* |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bà/*Ms.* Chu Thị Phương Anh | 02/02 | 100% | 100% | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Ông/*Mr.* Lê Văn Tới | 02/02 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà/*Ms.* Lê Thị Thanh Hằng | 02/02 | 100% | 100% | |

**3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors:***

- Giám sát hoạt động của Công ty: Theo dõi việc ban hành, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cơ quan quản lý liên quan.

  *Supervise the Company's operations: Monitor the issuance and implementation of Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the Executive Board; Supervise administrative, operational, internal control activities, compliance with legal regulations and relevant regulatory agencies.*

- Giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của Ủy Ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

  *Supervise financial activities, supervise periodic and irregular information disclosure according to regulations of the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange.*

- Xây dựng kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát năm 2025 và phân công nhiệm vụ giữa các thành viên trong Ban kiểm soát.

  *Develop the 2025 Supervisory Board's operating plan and assign tasks among members of the Supervisory Board.*

- Tham dự 100% và giám sát cuộc họp Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ đúng nhiệm vụ, quyền hạn mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

  *Attend 100% and supervise Board of Directors meetings to ensure compliance with the duties and powers approved by the General Meeting of Shareholders.*

- Thẩm tra, rà soát Báo cáo tài chính quý trước khi công bố thông tin.

  *Reviewing and verifying the quarterly financial statements before disclosing information.*

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the *coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors and other managers:***

- Ban kiểm soát giữ mối liên hệ thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban điều hành, tham gia phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã hỗ trợ và hợp tác với Ban kiểm soát để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

  *The Supervisory Board maintains regular contact with the Board of Directors and the Executive Board, and participates in regular meetings of the Board of Directors. The Board of Directors and the Executive Board have supported and cooperated with the Supervisory Board to help the Supervisory Board fulfill its tasks.*

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng đã cung cấp tất cả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT và các văn bản liên quan đến việc quản trị, điều hành Công ty khi có yêu cầu từ Ban kiểm soát.

*The Board of Directors, the Board of Management and functional departments have provided all Shareholders' Meeting Resolutions, Board of Directors Resolutions and documents related to the Company's administration and management upon request from the Board of Supervisors.*

- BKS thực hiện nhiệm vụ đề xuất ĐHĐCĐ thông qua Danh sách công ty kiểm toán và tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

  *The Supervisory Board performs the task of proposing to the General Meeting of Shareholders to approve the List of auditing companies and criteria for selecting auditing companies to conduct semi-annual reviews and audit the 2025 Financial Statements.*

**5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors (if any):***

Không có / *None*

**IV. Ban điều hành/Board *of Management***

| STT *No.* | Thành viên Ban điều hành *Members of Board of Management* | Chức vụ *Position* | Ngày tháng năm sinh *Date of birth* | Trình độ chuyên môn *Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm *Date of appointment / Date of dismissal* | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Ngày bổ nhiệm *Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal* |
| 1 | Ông/*Mr.* La Hoài Nam | Tổng Giám đốc *General Director* | | Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) – Đại học Wales – Anh Quốc; Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. HCM *Master of Business Administration (MBA) – University of Wales – UK; Bachelor of Economics – Ho Chi Minh City University of Economics (UEH)* | 25/11/2024 *November 25, 2024* | |

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

| STT *No.* | Họ và tên *Name* | Chức vụ *Position* | Ngày tháng năm sinh *Date of birth* | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ *Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm *Date of appointment / Date of dismissal* | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Ngày bổ nhiệm *Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm *Date of dismissal* |
| 1 | Ông/*Mr.* Nguyễn Hòa Hiệp | Kế toán trưởng | | Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế TP. HCM; Chứng | 31/07/2019 *July 31, 2019* | 25/03/2025 *March 25, 2025* |

| STT<br>*No.* | Họ và tên<br>*Name* | Chức vụ<br>*Position* | Ngày tháng năm sinh<br>*Date of birth* | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br>*Qualification* | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>*Date of appointment / Date of dismissal* | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Ngày bổ nhiệm<br>*Date of appointment* | Ngày miễn nhiệm<br>*Date of dismissal* |
| | | *Chief Accountant* | | chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng<br>*Bachelor of economics-UEH; Chief Accountant Training Certificate - UEH* | | |
| 2 | Bà/*Ms.* Đào Thị Mơ | Kế toán trưởng<br>*Chief Accountant* | | Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. HCM; Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM; Chứng nhận Giám đốc Tài chính – Trường Tài chính Kế toán Pace<br>*Bachelor of economics-UEH; Chief Accountant Training Certificate - UEH; Chief Financial Officer – CFO – PACE* | 25/03/2025<br>*March 25, 2025* | 05/09/2025<br>*September 5, 2025* |
| 3 | Bà/*Ms. Dương Trương Thị Hồng Trinh* | Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Phụ trách kế toán/ *Deputy Manager of Finance - Accounting Department cum Person in charge of Accounting* | | Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP. HCM; Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM; Chứng nhận Giám đốc Tài chính chuyên nghiệp – Trung tâm đào tạo giám đốc tài chính Clevercfo<br>*Bachelor of economics-UEH; Chief Accountant Training Certificate - UEH; Professional Chief Financial Officer – Clever CFO Education Center* | 05/09/2025<br>*September 5, 2025* | |

**VI. Đào tạo về quản trị công *ty/Training courses on corporate governance:***

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo, diễn đàn, hội thảo về quản trị công ty theo quy định.

*Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, other managers and the Company Secretary have participated in training courses, forums and seminars on corporate governance as prescribed.*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty*/The list of affiliated persons of the public company (Annual report) and transactions of affiliated persons of the Company***

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty*/The list of affiliated persons of the Company***

Xem Phụ lục 01 đính kèm/ *See attached Appendix 01.*

**2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:***

Không có/ *None.*

**3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling* power**: Không có/ *None.*

**4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects***

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*: Không có/ *None.*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and other managers as a member of Board of Directors, General Director:* Không có/ *None.*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers*: Không có/ *None.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share *transactions of internal persons and their affiliated persons (Annual report)***

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ*/The list of internal persons and their affiliated persons* công *ty***

Xem Phụ lục 02 đính kèm/ *See attached Appendix 02.*

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/** ***Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company***

Không có/ *None*.

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues:**

Không có/ *None*.

***Nơi nhận/Recipients:***
- Như trên/ *As above*;
- Lưu: Thư ký HĐQT/
*Archived: Secretary to the BOD*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
***CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS***

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

**VŨ TRỌNG TUẤN**

Công Ty Cổ Phần In Và Bao Bì Mỹ Châu

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần In Và Bao Bì Mỹ Châu
DN: c=VN, st=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, cn=Công Ty Cổ Phần In Và Bao Bì Mỹ Châu, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301671386
Date: 2026.01.30 18:32:46 +07'00'

# PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

## *APPENDIX 01: THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY*

| STT *No.* | Họ tên *Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position in the company (if any)* | Số Giấy NSH *No.* | Ngày cấp NSH *Date of issue* | Nơi cấp *Place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ *Head office address/ Contact address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Start date is related person/insider* | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ *Time of no longer being a related person/ insider* | Lý do *Reason* | Mối quan hệ liên quan với Công ty *Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 1 | Vũ Trọng Tuấn | | Chủ tịch HĐQT *Chairman of the Board of Directors* | | | | | 23/08/2024 | | Bổ nhiệm *Appointed* | Người nội bộ *Insider* |
| 2 | Phan Đỗ Hạnh | | Thành viên HĐQT *Member of the Board of Directors* | | | | | 20/01/2020 | | Bổ nhiệm *Appointed* | Người nội bộ *Insider* |
| 3 | Nguyễn Mai Thanh | | Thành viên độc lập HĐQT *Independent Member of Board of Directors* | | | | | 25/04/2025 | | Bổ nhiệm *Appointed* | Người nội bộ *Insider* |
| 4 | Chu Thị Phương Anh | | Trưởng Ban kiểm soát *Head of Supervisory Board* | | | | | 11/01/2024 | | Bổ nhiệm *Appointed* | Người nội bộ *Insider* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Số Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp NSH<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>*Head office address/ Contact address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Time of no longer being a related person/ insider* | Lý do<br>*Reason* | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>*Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 5 | Lê Văn Tới | | Thành viên Ban kiểm soát<br>*Member of Supervisory Board* | | | | | 28/06/2024 | | Bổ nhiệm<br>*Appointed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 6 | Lê Thị Thanh Hằng | | Thành viên Ban kiểm soát<br>*Member of Supervisory Board* | | | | | 01/11/2024 | | Bổ nhiệm<br>*Appointed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 7 | La Hoài Nam | | Tổng Giám đốc<br>*General Director* | | | | | 25/11/2024 | | Bổ nhiệm<br>*Appointed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 8 | Dương Trương Thị Hồng Trinh | | Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Phụ trách Kế toán | | | | | 05/09/2025 | | Bổ nhiệm<br>*Appointe* | Người nội bộ<br>*Insider* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Số Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp NSH<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>*Head office address/ Contact address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Time of no longer being a related person/ insider* | Lý do<br>*Reason* | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>*Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 9 | Võ Thị Mộng Tuyền | | Thư ký HĐQT; Người phụ trách quản trị Công ty; Người được ủy quyền CBTT<br>*Secretary of the BOD; Person in charge of Corporate Governance; Authorized person to disclose information* | | | | | 25/09/2025 | | Bổ nhiệm<br>*Appointed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 8 | Đào Thị Mơ | | Kế toán trưởng<br>*Chief Accountant* | | | | | 25/03/2025 | 05/09/2025 | Miễn nhiệm<br>*Dismissed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 9 | Võ Ngọc Như | | | | | | | 09/08/2024 | 25/09/2025 | Miễn nhiệm<br>*Dismissed* | Người nội bộ<br>*Insider* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Số Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp NSH<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>*Head office address/ Contact address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Time of no longer being a related person/ insider* | Lý do<br>*Reason* | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>*Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| | | | | | | | | | | | |
| 10 | Dương Thị Thanh Tâm | | | | | | | 28/06/2024 | 25/04/2025 | Miễn nhiệm<br>*Dismissed* | Người nội bộ<br>*Insider* |
| 11 | Nguyễn Hòa Hiệp | | | | | | | 31/07/2019 | 25/03/2025 | Miễn nhiệm<br>*Dismissed* | Người nội bộ<br>*Insider* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Số Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp NSH<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>*Head office address/ Contact address* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ<br>*Time of no longer being a related person/ insider* | Lý do<br>*Reason* | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>*Relationship with the Company* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| 12 | Lê Thị Thanh Phụng | | | | | | | 04/06/2020 | 09/06/2025 | Miễn nhiệm<br>*Dismissed* | Người nội bộ<br>*Insider* |

## PHỤ LỤC 02. DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

## *APPENDIX 02. THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS* CÔNG TY

| STT *No.* | Họ tên *Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) *Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có) *Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ *Relationship with company/insider* | Giấy NSH *No.* | Ngày cấp *Date of issue* | Nơi cấp *Place of issue* | Địa chỉ liên hệ *Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ *Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ *End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ *Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) *Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 17 |
| **1** | **Vũ Trọng Tuấn** | | **Chủ tịch HĐQT *Chairman of the Board of Directors*** | **Người nội bộ *Insider*** | | | | | **768,324** | **4.25%** | **23/08/ 2024** | **Ông Vũ Trọng Tuấn được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 25/11/2024 *Mr. Vu Trong Tuan was elected Chairman of the Board of Directors from November 25, 2024.*** |
| 1.1 | Vũ Viết Lễ | | | Bố đẻ *Father* | | | | | | | | Đã mất *Deceased* |
| 1.2 | Trần Thị Phương | | | Mẹ đẻ *Mother* | | | | | | | | Đã mất *Deceased* |
| 1.3 | Vũ Thị Phương Lan | | | Chị ruột *Older sister* | | | | | | | | |
| 1.4 | Vũ Trọng Tuệ | | | Anh ruột *Brother* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.5 | Vũ Trọng Quang | | | Anh ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 1.6 | Vũ Trọng Đại | | | Anh ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 1.7 | Vũ Thị Thu Hương | | | Chị ruột<br>*Older sister* | | | | | | | | |
| 1.8 | Hoàng Thị Huê | | | Vợ<br>*Wife* | | | | | | | | |
| 1.9 | Vũ Trọng Khôi | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | |
| 1.10 | Vũ An Nhiên | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |
| 1.11 | Vũ Trọng Cường | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |
| 1.12 | Công ty Cổ Phần TMDV Tràng Thi<br>*Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Vũ Trọng Tuấn làm Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần TMDV Tràng Thi |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | *Mr. Vu Trong Tuan is Chairman of the Board of Directors and Director - Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company* |
| 1.13 | Công ty Cổ Phần TM và đầu tư TIC Hà Nội<br>*Ha Noi TIC Trading And Investment Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Vũ Trọng Tuấn làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần TM và Đầu tư TIC Hà Nội<br>*Mr. Vu Trong Tuan is Chairman of the Board of Directors and General Director - Ha Noi TIC Trading And Investment Joint Stock Company* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1.14 | Công ty TNHH TM hàng tiêu dùng T&T (TTC)<br>*T&T Consumer And Trading* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Vũ Trọng Tuấn làm Tổng Giám đốc - Công ty TNHH TM hàng tiêu dùng T&T (TTC)<br>*Mr. Vu Trong Tuan is the General Director - T&T Consumer And Trading* |
| 1.15 | Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Việt Hà<br>*Viet Ha Beer And Beverage Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Vũ Trọng Tuấn làm Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà<br>*Mr. Vu Trong Tuan is a member of the Board of Directors - VHB* |
| 1.16 | Công ty Hộp sắt Tovecan<br>*Tovecan Corporation Limited* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Vũ Trọng Tuấn làm Thành viên HĐTV - Công ty Hộp sắt Tovecan<br>Mr. Vu Trong Tuan is a member of the Board of |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | Directors - *Tovecan Corporation Limited* |
| **2** | **Phan Đỗ Hạnh** | | **Thành viên HĐQT**<br>***Member of the Board of Directors*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **2,529,600** | **13.99%** | **20/01/ 2020** | |
| 2.1 | Phan Hồng Châu | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | Đã mất<br>*Deceased* |
| 2.2 | Đỗ Phương Châm | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | Đã mất<br>*Deceased* |
| 2.3 | Phan Hồng Hải | | | Em ruột<br>*Younger brother* | | | | | | | | |
| 2.4 | Châu Muối | | | Em dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 2.5 | Phan Hồng Hiền | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2.6 | Hoàng Hải | | | Em rể<br>*Brother in law* | | | | | | | | |
| 2.7 | Phan Hồng Hà | | | Em ruột<br>*Younger brother* | | | | | | | | |
| 2.8 | Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn<br>*Vinafor Saigon JCO* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Phan Đỗ Hạnh là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu Lâm sản Sài Gòn<br>*Ms. Phan Do Hanh is a member of the Board of Directors of Vinafor Saigon JCO* |
| **3** | **Nguyễn Mai Thanh** | | **Thành viên độc lập HĐQT**<br>***Independent Member of Board of Directors*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **25/04/2025** | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3.1 | Nguyễn Đức Vinh | - | - | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 3.2 | Lê Thị Oánh | - | - | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 3.3 | Nguyễn Thúy Hằng | - | - | Chị gái<br>*Sister* | | | | | | | | |
| 3.4 | Nguyễn Thành Công | - | - | Anh rể<br>*brother in law* | | | | | | | | |
| 3.5 | Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T<br>*T&T Group JSC* | - | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Nguyễn Mai Thanh là Giám đốc Ban Kế toán Quản lý đơn vị thành viên tại Công ty CP Tập đoàn T&T<br>*Ms. Nguyen Mai Thanh is Director of Accounting Department,* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | *Managing member units at T&T Group JSC.* |
| 3.6 | Công ty CP Bất động sản T&T Homes<br>*T&T Homes* | - | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Nguyễn Mai Thanh là TV HĐQT Công ty CP Bất động sản T&T Homes<br>*Ms. Nguyen Mai Thanh is a member of the Board of Directors of T&T Homes* |
| 3.7 | Công ty CP Thái Sơn Long An<br>*Thai Son - Long An., JSC* | - | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Nguyễn Mai Thanh là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thái Sơn Long An<br>*Ms. Nguyen Mai Thanh is Head of the Board of Supervisors of Thai Son - Long An., JSC* |
| **4** | **Chu Thị Phương Anh** | | **Trưởng Ban kiểm soát** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **11/01/ 2024** | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | ***Head of Supervisory Board*** | | | | | | | | | |
| 4.1 | Chu Sỹ Lập | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 4.2 | Phan Thị Hằng | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 4.3 | Chu Thị Phan Anh | | | Chị ruột<br>*Older sister* | | | | | | | | |
| 4.4 | Chu Thị Hồng Anh | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |
| 4.5 | Chu Thị Ngọc Anh | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| 4.6 | Lê Cảnh Tâm | | | Chồng<br>*Husband* | | | | | | | | |
| 4.7 | Lê Cảnh Phát | | | Bố chồng<br>*Father in law* | | | | | | | | |
| 4.8 | Trương Thị Đào | | | Mẹ chồng<br>*Mother in law* | | | | | | | | |
| 4.9 | Lê Tâm Anh | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |
| 4.10 | Lê Cảnh Nhật Tuệ | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |
| 4.11 | Nguyễn Ngọc Huy Phong | | | Em rể<br>*Brother in law* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.12 | Công ty cổ phần Quang Lộc Quảng Trị<br>*Quang Loc Quang Tri Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Chu Thị Phương Anh làm Giám đốc của Công ty cổ phần Quang Lộc Quảng Trị<br>*Ms. Chu Thi Phuong Anh is the Director of Quang Loc Quang Tri Joint Stock Company.* |
| **5** | **Lê Văn Tới** | | **Thành viên Ban kiểm soát**<br>***Member of the Board of Supervisors*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **28/06/ 2024** | |
| 5.1 | Lê Văn Tiến | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 5.2 | Đặng Thị Chính | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5.3 | Lê Văn Tuấn | | | Anh ruột<br>*Older Brother* | | | | | | | | |
| 5.4 | Lê Thị Luyến | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |
| 5.5 | Lại Thị Hoài | | | Vợ<br>*Wife* | | | | | | | | |
| 5.6 | Lê Duy Minh Phúc | | | Con đẻ<br>*Children* | | | | | | | | Dưới 15<br>*U15* |
| 5.7 | Công ty CP BĐS Du lịch Ninh Vân Bay<br>*Ninh Van Bay Travel Real Estate Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Lê Văn Tới là người phụ trách quản trị công ty CP BĐS Du lịch Ninh Vân Bay<br>*Mr. Le Van Toi is the person in charge of* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | *administration of Ninh Van Bay Travel Real Estate Joint Stock Company* |
| **6** | **Lê Thị Thanh Hằng** | | **Thành viên Ban kiểm soát**<br>***Member of the Board of Supervisors*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **01/11/ 2024** | |
| 6.1 | Lê Quang Chung | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 6.2 | Trần Thị Thanh Vân | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 6.3 | Lê Trung Hiếu | | | Em ruột<br>*Younger brother* | | | | | | | | |
| 6.4 | Lê Thị Thùy Dương | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6.5 | Công ty cổ phần Công nghệ sinh học dược phẩm T & T – Nam Hà<br>*T&T – Nam Ha Biotechnology Pharmaceutical Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Lê Thị Thanh Hằng là Kế toán trưởng Công ty cổ phần Công nghệ sinh học dược phẩm T & T – Nam Hà<br>Ms. Le Thi Thanh Hang is Chief Accountant of *T&T – Nam Ha Biotechnology Pharmaceutical Joint Stock Company* |
| 6.6 | Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi<br>*Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Bà Lê Thị Thanh Hằng là Trưởng Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Tràng Thi<br>*Ms. Le Thi Thanh Hang is Head of the Board of Supervisors of Trang Thi Commercial Service Joint Stock Company.* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **7** | **La Hoài Nam** | | **Tổng Giám đốc**<br>***General Director*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **25/11/2024** | **Ông La Hoài Nam được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc kể từ ngày 25/11/2024**<br>***Mr. La Hoai Nam was appointed General Director from November 25, 2024.*** |
| 7.1 | La Văn Chữ | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 7.2 | Nguyễn Kim Lan | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 7.3 | Lê Cảnh Tấn | | | Bố vợ<br>*Father in law* | | | | | | | | |
| 7.4 | Phó Ngọc Minh | | | Mẹ vợ<br>*Mother in law* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7.5 | La Hoài Phương | | | Em ruột<br>*Younger brother* | | | | | | | | |
| 7.6 | Đặng Thị Nga | | | Em dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 7.7 | Lê Thị Hoàn Thanh | | | Vợ<br>*Wife* | | | | | | | | |
| 7.8 | La Thiệu Khang | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | |
| 7.9 | La Thiệu Vũ | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi |
| 7.10 | Công Ty TNHH Southwall Việt Nam<br>*Southwall Vietnam Company Limited* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông La Hoài Nam làm Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Southwall Việt Nam<br>*Mr. La Hoai Nam is a member of the Board of Members -* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | *Southwall Vietnam Company Limited* |
| **8** | **Dương Trương Thị Hồng Trinh** | | **Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Phụ trách kế toán**<br>***Deputy Manager of Finance - Accounting Department cum Person in charge of Accounting*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **05/09/2025** | **Bà Dương Trương Thị Hồng Trinh được bổ nhiệm làm Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Phụ trách kế toán kể từ ngày 05/09/2025**<br>***Ms. Duong Truong Thi Hong Trinh was appointed Deputy Manager of Finance - Accounting Department cum Person in charge of Accounting from September 05, 2025*** |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8.1 | Trương Thị Kim Bích | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 8.2 | Dương Trương Quốc Việt | | | Em ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 8.3 | Dương Trương Hồng Trang | | | Em ruột<br>*Sister* | | | | | | | | |
| 9 | **Võ Thị Mộng Tuyền** | | **Thư ký hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **25/09/2025** | **Bà Võ Thị Mộng Tuyền được bổ nhiệm làm Thư ký HĐQT, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin kể từ ngày 25/09/2025** |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | ***Secretary of the BOD; Person in charge of corporate governance; Person authorized to disclose information*** | | | | | | | | | ***Ms. Vo Thi Mong Tuyen was appointed Secretary of the BOD; Person in charge of corporate governance; Person authorized to disclose information from September 25, 2025*** |
| 9.1 | Võ Văn Ben | | | Cha ruột<br>*Father* | | | | | | | | |
| 9.2 | Biện Thị Thu Nga | | | Mẹ ruột<br>*Mother* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 9.3 | Võ Thị Huỳnh Như | | | Em gái<br>*Sister* | | | | | | | | |
| **10** | **Đào Thị Mơ** | | **Kế toán trưởng**<br>***Chief Accountant*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0.00%** | **25/03/2025** | **Bà Đào Thị Mơ được miễn nhiệm ngày 05/09/2025**<br>***Ms. Dao Thi Mo was dismissed on September 5, 2025*** |
| 10.1 | Phan Thị Thảo | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 10.2 | Đào Mai | | | Anh ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 10.3 | Lê Thị Ngọc Xuân | | | Chị dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10.4 | Đào Minh | | | Anh ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 10.5 | Phạm Thị Diễm Thúy | | | Chị dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 10.6 | Đào Mẫn | | | Anh ruột<br>*Brother* | | | | | | | | |
| 10.7 | Nguyễn Đức | | | Bố chồng<br>Father in law | | | | | | | | |
| 10.8 | Nguyễn Tố Nhi | | | Mẹ chồng<br>*Mother in law* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 10.9 | Nguyễn Vũ Linh | | | Chồng<br>*Husband* | | | | | | | | |
| 10.10 | Nguyễn Đào Gia Khiêm | | | Con<br>*Child* | | | | | | | | |
| 10.11 | Nguyễn Đào Nghi Văn | | | Con<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **11** | **Võ Ngọc Như** | | **Thư ký HĐQT; Người phụ trách quản trị Công ty; Người được ủy quyền CBTT**<br>***Secretary of the BOD; Person in charge of corporate governance; Person authorized to disclose information*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **09/08/2024** | **Bà Võ Ngọc Như được miễn nhiệm ngày 25/09/2025**<br>***Ms. Vo Ngoc Nhu was dismissed on September 25, 2025*** |
| 11.1 | Võ Văn Sự | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 11.2 | Đặng Thị Hòa | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11.3 | Nguyễn Thành Phát | | | Chồng<br>*Husband* | | | | | | | | |
| 11.4 | Võ Văn Hiển | | | Anh ruột<br>*Older brother* | | | | | | | | |
| 11.5 | Nguyễn Thị Diễm Sương | | | Chị dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 11.6 | Nguyễn Thành Lợi | | | Bố chồng<br>*Father in law* | | | | | | | | |
| 11.7 | Đặng Thị Hồng Vân | | | Mẹ chồng<br>*Mother in law* | | | | | | | | |
| **12** | **Dương Thị Thanh Tâm** | | **Thành viên độc lập HĐQT**<br>***Independent Member of Board of Directors*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **28/06/2024** | **Bà Dương Thị Thanh Tâm được miễn nhiệm ngày 25/04/2025**<br>***Ms. Duong Thi Thanh Tam was dismissed*** |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | *on April 25, 2025.* |
| 12.1 | Dương Đình Vinh | | | Bố đẻ<br>*Father* | | | | | | | | |
| 12.2 | Lê Thị An | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 12.3 | Dương Thị Thủy | | | Chị ruột<br>*Older sister* | | | | | | | | |
| 12.4 | Dương Thị Thanh Bình | | | Chị ruột<br>*Older sister* | | | | | | | | |
| 12.5 | Dương Hương Thảo | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |
| 12.6 | Vũ Hồng Việt | | | Chồng<br>*Husband* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| **13** | **Nguyễn Hòa Hiệp** | | **Kế toán trưởng**<br>***Chief Accountant*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **31/07/ 2019** | **Ông Nguyễn Hòa Hiệp được miễn nhiệm ngày 25/03/2025**<br>***Mr. Nguyen Hoa Hiep was dismissed on March 25, 2025.*** |
| 13.1 | Nguyễn Thị Gió | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 13.1 | Nguyễn Quốc Phong | | | Anh ruột<br>*Older brother* | | | | | | | | |
| 13.3 | Nguyễn Thị Minh Tâm | | | Em ruột<br>*Younger sister* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| 13.4 | Vũ Thị Tuyết Phương | | | Vợ<br>*Wife* | | | | | | | | |
| 13.5 | Nguyễn Hoàng Khang | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | |
| 13.6 | Nguyễn Minh Thành | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | Dưới 15 tuổi<br>*U15* |
| 13.7 | Phan Thị Hằng | | | Chị dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 13.8 | Nguyễn Xuân Hoàng | | | Em rể<br>*Brother in law* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | |
| 13.9 | Công Ty Cổ phần XNK Rau Quả<br>*Fruit-Vegetable Export-Import Joint Stock Company* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Nguyễn Hòa Hiệp làm Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ Phần XNK Rau Quả<br>*Mr. Nguyen Hoa Hiep is Chairman of the Board of Directors Fruit-Vegetable Export-Import Joint Stock Company* |
| 13.10 | Công ty CP XNK Hạt điều & Hàng nông sản thực phẩm TP.HCM (Vinalimex)<br>*Vinalimex J.Co Hochiminh City* | | | Tổ chức có liên quan<br>*Related organizations* | | | | | | | | Ông Nguyễn Hòa Hiệp làm Thành viên HĐQT - Công ty CP XNK Hạt điều & Hàng nông sản thực phẩm TP.HCM (Vinalimex)<br>Mr. Nguyen Hoa Hiep is a member of the Board of Directors - *Vinalimex J.Co Hochiminh City* |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **14** | **Lê Thị Thanh Phụng** | | **Người được ủy quyền CBTT**<br>***Authorized person to disclose information*** | **Người nội bộ**<br>***Insider*** | | | | | **0** | **0** | **04/06/2020** | **Bà Lê Thị Thanh Phụng được miễn nhiệm ngày 09/06/2025**<br>***Ms. Le Thi Thanh Phung was dismissed on June 9, 2025.*** |
| 14.1 | Huỳnh Thị Thêm | | | Mẹ đẻ<br>*Mother* | | | | | | | | |
| 14.2 | Lê Tấn Phát | | | Em ruột<br>*Younger brother* | | | | | | | | |
| 14.3 | Bùi Thị Hồng Nguyễn | | | Em dâu<br>*Sister in law* | | | | | | | | |
| 14.4 | Phan Lê Hoàng An | | | Con đẻ<br>*Child* | | | | | | | | |

| STT<br>*No.* | Họ tên<br>*Full name* | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>*Securities trading account (if any)* | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>*Position in the company (if any)* | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ<br>*Relationship with company/insider* | Giấy NSH<br>*No.* | Ngày cấp<br>*Date of issue* | Nơi cấp<br>*Place of issue* | Địa chỉ liên hệ<br>*Contact address* | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>*Number of shares owned at the end of the period* | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>*End of period share ownership ratio* | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan/người nội bộ<br>*Start date is related person/insider* | Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)<br>*Note* |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14.5 | Phan Lê Hoàng Thịnh | | | Con đẻ<br>Child | | | | | | | | |